

Số: 208 /KH-CAT-PC06

Bắc Kạn, ngày 02 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH
**Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước,
định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”**

Căn cứ Kế hoạch số 2950/KH-QLHC-TTDLDC, ngày 11/4/2024 của Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội về Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”. Công an tỉnh Bắc Kạn ban hành Kế hoạch Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2023 (Luật Căn cước số 26/2023/QH15) và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Thông qua cuộc thi nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật của người dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về tìm hiểu các quy định của pháp luật về Căn cước, định danh và xác thực điện tử năm 2023 của Việt Nam.

1.2. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, phát huy tiện ích của ứng dụng VNeID thực sự trở công cụ số thiết thực của người dân để hưởng ứng, nghiên cứu, tìm hiểu về các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, của Bộ Công an.

1.3. Phát huy nguồn lực xã hội, ý tưởng, sáng tạo với nhiều hình thức, nội dung tham gia để người dân, cơ quan, tổ chức tham gia.

2. Yêu cầu

2.1. Việc triển khai cuộc thi phải đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, huy động sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân trên địa bàn. Nội dung cuộc thi phải đảm bảo tính phổ thông, thiết thực, bám sát mục đích cuộc thi, đảm bảo số lượng lớn người dân, cơ quan, tổ chức tham gia.

2.2. Công an các địa phương vận động Tổ triển khai Đề án 06 các cấp (cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh), các đoàn, hội, công dân trên địa bàn tham gia cuộc thi; giao chỉ tiêu cho cảnh sát khu vực, Công an cấp xã tổ chức triển khai thực hiện với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, HÌNH THỨC DỰ THI, THỜI GIAN

1. Đối với cuộc thi trên ứng dụng VNeID

1.1. Đối tượng: Là công dân Việt Nam đã đăng ký sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (*Trừ thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ giúp việc và những bộ phận có liên quan trực tiếp vào quá trình tổ chức cuộc thi*).

1.2. Nội dung: Pháp luật quy định về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt nam.

1.3. Hình thức: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên VNeID.

1.4. Thời gian: Bắt đầu từ tháng **5/2024** đến hết ngày **15/8/2024**.

(Chi tiết được thông báo cụ thể tại Thẻ lệ cuộc thi)

2. Đối với cuộc thi viết

2.1. Đối tượng: Tập thể, cá nhân tham gia (*Trừ thành viên trong Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Giúp việc, Tổ Thư ký và cá nhân tổ chức liên quan trực tiếp đến tổ chức cuộc thi này*). Đối với các bài thi đã tham dự tại các cuộc thi khác tương tự không được tham gia tại cuộc thi này.

2.2. Hình thức: Cuộc thi được tổ chức theo hình thức thi viết bằng tiếng Việt, viết tay hoặc đánh máy trên khổ giấy A4, không photocopy, video, clip, khuyến khích các hình thức sáng tạo, ứng dụng công nghệ để tham gia cuộc thi (*Cách thức dự thi được quy định và hướng dẫn cụ thể trong Thẻ lệ cuộc thi và được công bố rộng rãi*)

2.3. Nội dung: Nội dung câu hỏi, thi viết liên quan đến các quy định của pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2023 (Luật căn cước công dân năm 2023 số 26/2023/QH15) và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

2.4. Thời gian tổ chức cuộc thi: Tổ chức làm 02 Vòng thi, cụ thể:

- Vòng 1: Công an tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành trước ngày **10/7/2024**.

- Vòng 2: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tập hợp các bài thi từ Công an các địa phương và tổ chức chấm thi, trao giải, tổng kết hoàn thành trước ngày 02/9/2024.

III. CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG CUỘC THI

1. Đối với cuộc thi viết

1.1. Vòng 01: Tại Công an tỉnh Bắc Kạn

a) Cơ cấu giải thưởng

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; Công an tỉnh cơ cấu giải thưởng vòng 1 như sau:

- 02 (hai) giải Nhất (01 tập thể, 01 cá nhân):
 - + Giải nhất tập thể trị giá 2.000.000 đồng;
 - + Giải nhất cá nhân trị giá 1.500.000 đồng.
- 04 (bốn) giải Nhì (02 tập thể, 02 cá nhân):
 - + Giải nhì tập thể trị giá 1.500.000 đồng;
 - + Giải nhì cá nhân trị giá 1.000.000 đồng.
- 05 (năm) giải Ba (02 tập thể, 03 cá nhân):
 - + Giải ba tập thể trị giá 1.000.000 đồng;
 - + Giải ba cá nhân trị giá 500.000 đồng.
- 05 (năm) giải Khuyến khích (05 cá nhân): 300.000 đồng.

Trường hợp các bài thi có số điểm bằng nhau thì bài thi được trình bày công phu, sinh động, có tranh ảnh tư liệu minh họa sẽ được chọn để trao giải.

b) Hình thức khen thưởng

- Giám đốc Công an tỉnh xem xét tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân có bài dự thi đạt từ Giải ba trở lên và một số tập thể, cá nhân khác có thành tích trong việc tổ chức thành công cuộc thi. Tùy theo chất lượng kết quả bài thi, cơ cấu giải thưởng Cuộc thi có thể thay đổi do Ban Tổ chức Cuộc thi tại Công an tỉnh quyết định.

1.2. Vòng 02: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an trao giải thưởng.

a) Cơ cấu giải thưởng

- 02 (hai) giải Nhất (01 tập thể, 01 cá nhân): Giải tập thể trị giá 30 triệu đồng; giải cá nhân trị giá 15 triệu đồng.
- 06 (sáu) giải Nhì (03 tập thể, 03 cá nhân): Giải tập thể trị giá 10 triệu đồng; giải cá nhân trị giá 5 triệu đồng.
- 10 (mười) giải Ba (05 tập thể, 05 cá nhân): Giải tập thể trị giá 3 triệu đồng; giải cá nhân trị giá 02 triệu đồng.
- 10 (mười) giải Khuyến khích (05 tập thể, 05 cá nhân): Giải tập thể trị giá 02 triệu đồng; giải cá nhân trị giá 01 triệu đồng.

(Các giải phụ khác theo Quyết định của Ban Tổ chức, các nhà tài trợ có giải thưởng sẽ thông báo sau)

b) Hình thức khen thưởng

Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân có bài dự thi đạt từ giải Ba trở lên và một số tập thể, cá nhân khác có thành tích trong việc tổ chức thành công cuộc thi. Tùy theo chất lượng, kết quả bài thi, cơ cấu giải thưởng cuộc thi có thể thay đổi do Ban Tổ chức cuộc thi quyết định.

2. Đối với cuộc thi trên ứng dụng VNeID: Thông báo cụ thể trên ứng dụng VNeID cho người tham gia.

IV. NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Phòng PC06
- Đơn vị phối hợp: Phòng PV01, PX03.
- Thời gian hoàn thành: Trước 30/4/2024.

2. Thành lập Ban Tổ chức, Tổ thư ký giúp việc cuộc thi

- Đơn vị chủ trì: Phòng PC06.
- Đơn vị phối hợp: PV01, PX01, PX03, PH10
- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/4/2024.

3. Ban hành thể lệ, câu hỏi và tài liệu tham khảo cuộc thi

- Đơn vị thực hiện: Ban Tổ chức cuộc thi tại Công an tỉnh.
- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/4/2024.

4. Thành lập Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Ban Giám khảo

Tổ chức cuộc thi

- Đơn vị thực hiện: Ban Tổ chức cuộc thi tại Công an tỉnh.
- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/4/2024.

5. Tổ chức phát động cuộc thi

- Phòng PC06 phối hợp với đơn vị PX03 và các đơn vị liên quan tổ chức phát động cuộc thi trên địa bàn tỉnh.

- Công an các huyện, thành phố tổ chức phát động và tuyên truyền trên địa bàn và tuyên truyền phổ biến về cuộc thi trên ứng dụng VNeID. Ngay sau khi Công an tỉnh phát động cuộc thi trên toàn tỉnh.

6. Tổ chức chấm thi, tổng kết và trao giải cuộc thi

6.1. Vòng 1: Tổ chức chấm thi, tổng kết và trao giải tại Công an tỉnh.

- Tổ chức chấm thi:
- + Đơn vị thực hiện: Ban Giám khảo cuộc thi tại Công an tỉnh.
- + Thời gian thực hiện: Từ 01/7/2024 đến 10/7/2024.

- Tổ chức tổng kết và trao giải cuộc thi tại Công an tỉnh
- + Ban Tổ chức cuộc thi tại Công an tỉnh.
- + Thời gian thực hiện: Từ 10/7/2024 đến 20/7/2024.

6.2. *Vòng 2*: Ban tổ chức cuộc thi tại Công an tỉnh chọn tối đa 16 (Mười sáu) bài dự thi xuất sắc ở vòng 1 gửi về Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để tham gia vòng 2.

7. Truyền thông về cuộc thi: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị địa phương, tổ chức phát động, hưởng ứng cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”. Thực hiện thường xuyên, chủ động, sáng tạo.

8. Kinh phí thực hiện: Kinh phí tổ chức cuộc thi được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn hỗ trợ hợp khác (nếu có).

Phòng PH10 phối hợp với PC06 tham mưu, bố trí kinh phí đảm bảo để tổ chức cuộc thi tại Công an tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao PC06 chủ trì, tham mưu đề xuất triển khai thực hiện Kế hoạch này. Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Cục C06 theo quy định.

2. Phòng PX03 tăng cường tin, bài tuyên truyền về cuộc thi trên các phương tiện truyền thông và Trang thông tin điện tử Công an tỉnh.

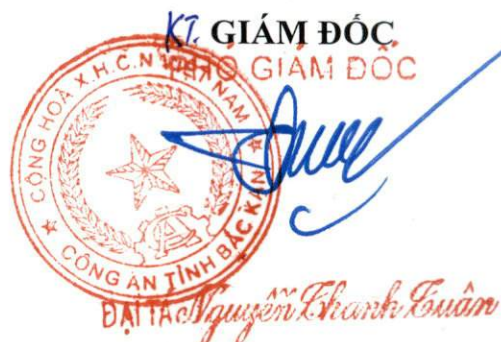
3. Căn cứ Kế hoạch này, Công an các huyện, thành phố chủ động xây dựng Kế hoạch để thực hiện; Tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương tuyên truyền vận động các ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, phường, thị trấn mỗi đơn vị ít nhất có từ 03 bài thi chất lượng trở lên.

4. Phòng PH10 chủ trì, phối hợp với PC06 thẩm định dự toán, thanh quyết toán kinh phí phục vụ tổ chức cuộc thi đúng quy định, báo cáo Giám đốc Công an tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị báo cáo về Công an tỉnh (qua PC06) để chỉ đạo, giải quyết.

Nơi nhận:

- Cục C06 – Bộ Công an;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; } thay báo cáo);
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Các đ/c PGĐ CAT (phối hợp, chỉ đạo);
- Công an các đơn vị, địa phương (thực hiện);
- Lưu: VT, PC06 (Đ1).



Số: 1411/QĐ-CAT-PC06

Bắc Kạn, ngày 04 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Cuộc thi “Tìm hiểu pháp Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” vòng sơ khảo tại Công an tỉnh Bắc Kạn

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA, ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 34/2023/TT-BCA, ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ của lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Kế hoạch số 2950/KH-QLHC-TTDLDC, ngày 11/4/2024 của Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an về tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu pháp Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”;

Căn cứ Kế hoạch số 208/KH-CAT-PC06 ngày 02/5/2024 của Giám đốc Công an tỉnh Bắc Kạn Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu pháp Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng Phòng PC06 Công an tỉnh tại tờ trình số:420/TTr-PC06, ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc đề xuất thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Cuộc thi “Tìm hiểu pháp Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” vòng sơ khảo tại Công an tỉnh Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách thành viên của Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Cuộc thi “Tìm hiểu pháp Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” vòng sơ khảo tại Công an tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên của Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Cuộc thi “Tìm hiểu pháp Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” vòng sơ khảo tại Công an tỉnh Bắc Kạn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1 (để thực hiện);
- Cục C06 - BCA (báo cáo);
- Các đ/c PGĐ CAT (phối hợp chi đạo);
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: VT, PC06 (Đ1).

K.T. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC
CÔNG AN TỈNH BẮC KẠN
ĐẠI TÁO Nguyễn Thanh Liêm

Bắc Kạn, ngày 02 tháng 5 năm 2024

THẺ LỆ CUỘC THI

Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 208/KH-CAT-PC06 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Công an tỉnh về việc tổ chức cuộc thi “*Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam*” (sau đây gọi tắt là cuộc thi), Quyết định số ~~144~~144/QĐ-CAT-PC06 ngày ~~04~~04 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Công an tỉnh về việc thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Cuộc thi “Tìm hiểu pháp Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” vòng sơ khảo tại Công an tỉnh Bắc Kạn. Ban Tổ chức cuộc thi ban hành Thẻ lệ như sau:

I. TÊN GỌI, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THAM GIA CUỘC THI

1. Cuộc thi trên ứng dụng VNeID

1.1. Tên gọi: “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam trên ứng dụng VNeID”

1.2. Phạm vi: Cuộc thi được phát triển trên ứng dụng VNeID

1.3. Đối tượng: Là công dân Việt Nam đã đăng ký sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (trừ thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ giúp việc và những bộ phận có liên quan trực tiếp vào quá trình tổ chức cuộc thi).

2. Cuộc thi viết

1.1. Tên gọi: “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” năm 2023.

1.2. Phạm vi: Cuộc thi được phát động trên toàn quốc.

1.3. Đối tượng: Tập thể, cá nhân tham gia (Trừ thành viên trong Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Giúp việc, Tổ Thư ký và cá nhân tổ chức liên quan trực tiếp đến tổ chức cuộc thi này). Đối với các bài thi đã tham dự tại các cuộc thi khác tương tự không được tham gia tại cuộc thi này.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC CUỘC THI

1. Cuộc thi trên ứng dụng VNeID

1.1. Nội dung: Các quy định của pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2023 (Luật căn cước công dân năm 2023 số 26/2023/QH15) và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

1.2. Hình thức: Trắc nghiệm (Công dân sử dụng đăng nhập vào tài khoản định danh mức 2 và thực hiện trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung thi).

1.3. Thời gian thi: Từ 01/6/2024 đến hết 31/12/2024 theo từng kỳ được thông báo trên ứng dụng VNeID.

2. Cuộc thi viết

1.1. Nội dung: Người dự thi phải trả lời đầy đủ các câu hỏi, đảm bảo đúng chủ đề, nội dung quy định; nội dung bài thi không được sao chép lại của người khác dưới mọi hình thức; nếu trích dẫn nội dung, hình ảnh, tư liệu để minh họa phải có chú thích rõ ràng

1.2. Hình thức: Tập thể, cá nhân tham gia dưới bất kỳ hình thức nào (đánh máy, viết tay, vẽ, thơ, ca, bài hát, video, clip, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ...), khuyến khích các hình thức sáng tạo để tham gia cuộc thi phù hợp với nội dung về căn cước, định danh và xác thực điện tử.

1.3. Thời gian:

- Công an tỉnh nhận bài dự thi đến hết ngày **20/6/2024**.

- Tổng kết và trao giải cuộc thi vào dịp kỷ niệm ngày truyền thống lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam (20/7).

- Thời gian, địa chỉ nhận bài dự thi: Bài dự thi gửi về Ban tổ chức cuộc thi (qua Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Bắc Kạn).

1.4. Quy mô tổ chức cuộc thi:

Cuộc thi được tổ chức thành 2 vòng, vòng sơ khảo và vòng chung khảo.

- Vòng sơ khảo: Tổ chức tại Công an tỉnh Bắc Kạn (từ tháng 5/2024 đến 20/7/2024).

- Vòng chung khảo: Tổ chức ở Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

III. GIẢI THƯỞNG CUỘC THI

1. Đối với cuộc thi trên ứng dụng VNeID

Công dân được tặng phần quà ngay sau khi hoàn thành bài thi và đạt các yêu cầu do Ban Tổ chức thông báo trực tiếp trên ứng dụng VNeID.

2. Đối với cuộc thi viết

2.1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trao giải thưởng:

- 02 (hai) giải Nhất (01 tập thể, 01 cá nhân): Giải tập thể trị giá 30 triệu đồng; giải cá nhân trị giá 15 triệu đồng.

- 06 (sáu) giải Nhì (03 tập thể, 03 cá nhân): Giải tập thể trị giá 10 triệu đồng; giải cá nhân trị giá 5 triệu đồng.

- 10 (mười) giải Ba (05 tập thể, 05 cá nhân): Giải tập thể trị giá 3 triệu đồng; giải cá nhân trị giá 02 triệu đồng.

- 10 (mười) giải Khuyến khích (05 tập thể, 05 cá nhân): Giải tập thể trị giá 02 triệu đồng; giải cá nhân trị giá 01 triệu đồng.

Căn cứ kết quả Cuộc thi và nguồn kinh phí thu hút từ các nguồn hợp pháp, Ban Tổ chức Cuộc thi xem xét, quyết định cơ cấu giải thưởng, mức giải, quà tặng của Cuộc thi.

Việc chọn bài thi đạt giải và giải quyết những vấn đề phát sinh do Ban Tổ chức cuộc thi quyết định

2.2. Công an tỉnh Bắc Kạn trao giải thưởng:

- 02 (hai) giải Nhất (01 tập thể, 01 cá nhân):

+ Giải nhất tập thể trị giá 2.000.000 đồng;

+ Giải nhất cá nhân trị giá 1.500.000 đồng.

- 04 (bốn) giải Nhì (02 tập thể, 02 cá nhân):

+ Giải nhì tập thể trị giá 1.500.000 đồng;

+ Giải nhì cá nhân trị giá 1.000.000 đồng.

- 05 (năm) giải Ba (02 tập thể, 03 cá nhân):

+ Giải ba tập thể trị giá 1.000.000 đồng;

+ Giải ba cá nhân trị giá 500.000 đồng.

- 05 (năm) giải Khuyến khích (05 cá nhân): 300.000 đồng.

Trường hợp các bài thi có số điểm bằng nhau thì bài thi được trình bày công phu, sinh động, có tranh ảnh tư liệu minh họa sẽ được chọn để trao giải.

Tùy theo chất lượng kết quả bài thi, cơ cấu giải thưởng cuộc thi có thể thay đổi do Ban Tổ chức cuộc thi quyết định.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

- Tìm hiểu thông tin, thể lệ, hướng dẫn, giải đáp, cập nhật hoạt động của cuộc thi trên ứng dụng VNeID hoặc Fanpage TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ.

Trên đây là Thể lệ Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ Phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bắc Kạn./

Nơi nhận:

- Đồng chí Giám đốc CAT (báo cáo);
- Các đồng PGĐ CAT (phối hợp chỉ đạo);
- Thành viên Ban Tổ chức và Tổ Thư ký giúp việc (thực hiện);
- PX03, Các cơ quan báo chí (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC06 (Đ1).

TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN



Đại tá Nguyễn Thanh Tuân

CÂU HỎI CUỘC THI VIẾT

“Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 208/KH-CAT-PC06 ngày 02/5/2024

của Giám đốc Công an tỉnh Bắc Kạn)

I. CÂU HỎI ĐỐI VỚI CÁ NHÂN THAM GIA CUỘC THI

Câu 1: Vì sao phải đổi tên Luật Căn cước công dân thành Luật Căn cước?

Câu 2: Sau ngày 01/7/2024, Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành, thẻ Căn cước công dân, chứng minh nhân dân của Anh/chị còn giá trị sử dụng không? Công dân có cần phải đi thực hiện đổi sang thẻ Căn cước không?

Câu 3: Sau ngày 01/7/2024, Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được cấp loại giấy tờ gì? Những đối tượng này cần phải làm gì để được cấp loại giấy tờ này?

Câu 4: Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi có bắt buộc phải làm Căn cước không? Người đại diện hợp pháp cần phải làm gì để công dân dưới 14 tuổi được cấp thẻ Căn cước?

Câu 5: Anh/chị cảm nhận như thế nào khi phải cung cấp thông tin sinh trắc học vân tay, ảnh khuôn mặt và móng mắt khi làm thẻ căn cước? Anh/chị có sẵn sàng cung cấp thông tin sinh trắc học về giọng nói và ADN cho cơ quan Công an không, vì sao?

Câu 6: Anh/chị có sẵn sàng đến cơ quan Công an để tích hợp các thông tin của mình vào bộ phận lưu trữ của thẻ Căn cước (chip điện tử) để đáp ứng cho các giao dịch không?

Câu 7: Theo anh/chị, căn cước điện tử mang lại những lợi ích gì cho bản thân và xã hội? Anh/chị mong muốn sử dụng Căn cước điện tử như thế nào?

Câu 8: Anh/chị trình bày mong muốn, ý tưởng lực lượng CAND phục vụ gì khi Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành?

Câu 9: Anh/chị mong muốn ứng dụng VNeID cung cấp những tiện ích gì để phục vụ các hoạt động giao dịch điện tử hiệu quả, thuận tiện.

II. CÂU HỎI ĐỐI VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, TẬP THỂ THAM GIA CUỘC THI

Câu 1: Vì sao phải đổi tên Luật Căn cước công dân thành Luật Căn cước? Việc đổi tên Thẻ căn cước công dân thành Thẻ căn cước có ảnh hưởng gì đến hoạt động của cơ quan, tổ chức không?

Câu 2: Cơ quan, tổ chức đã tuyên truyền, phổ biến về Luật Căn cước cho cán bộ, công nhân viên trong đơn vị theo hướng dẫn của lực lượng Công an nhân dân như thế nào? Hoạt động tuyên truyền về luật căn cước ở cơ quan, tổ chức của anh chị đã đạt được những kết quả gì?

Câu 3: Từ ngày 01/7/2024, Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức mong muốn được cung cấp các phương thức khai thác dữ liệu như thế nào để phục vụ nhu cầu chuyển đổi số một cách an toàn, hiệu quả, đúng quy định pháp luật?

Câu 4: Cơ quan, tổ chức đã ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử như thế nào? Khi Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành, cơ quan tổ chức có kế hoạch gì để phát triển những ứng dụng hiện hành?

Câu 5: Cơ quan, tổ chức mong muốn được sử dụng ứng dụng VNeID trong hoạt động chuyển đổi số của đơn vị mình?

Câu 6: Cơ quan, tổ chức có ý tưởng sáng tạo gì cho lực lượng Công an nhân dân để triển khai tốt các quy định của Luật Căn cước năm 2023?

ĐỀ CƯƠNG TÌM HIỂU LUẬT CĂN CƯỚC

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị và pháp lý

Luật Căn cước công dân năm 2014 được Quốc hội khóa XIII thông qua đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong công tác lập pháp của Nhà nước ta, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao dịch của Nhân dân, phục vụ yêu cầu nghiệp vụ Công an, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm trật tự, an toàn xã hội. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống sản xuất, cấp quản lý căn cước công dân được xây dựng, hoàn thiện, đưa vào vận hành, khai thác, sử dụng đã tạo sự đổi mới căn bản về tổ chức hoạt động, quản lý nhà nước về dân cư theo hướng hiện đại, bỏ sổ hộ khẩu giấy, xác lập danh tính điện tử của công dân thông qua mã số định danh cá nhân, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, người dân có thể thực hiện các giao dịch, các thủ tục hành chính ở bất cứ nơi nào, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, góp phần kiến tạo Chính phủ liên chính, hành động, phát triển phục vụ Nhân dân, đóng góp tích cực vào tiến trình xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia số trong tương lai không xa.

Tiếp tục trong thời gian vừa qua, Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản đề đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế như:

- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đề ra giải pháp: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh;

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đề ra mục tiêu đến năm 2030 toàn bộ dân số Việt Nam được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ

tu, đã xác định: “*Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất*”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới đề ra nhiệm vụ: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý cư trú...;

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2011-2015) và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2015-2020) trình Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ 12 của Đảng nêu rõ: Có cơ chế đặc thù để triển khai những dự án khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Văn kiện Đại hội Đảng khóa XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 xác định nhiệm vụ là:

(1) Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia;

(2) Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển

kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số;

(3) Hoàn thành xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm 100% dân số được đăng ký và quản lý.

- Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/10/2017 của Chính phủ về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an đã xác định rõ mục tiêu phải thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan tới công tác đăng ký, quản lý cư trú, căn cước công dân.

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 12 năm 2022 đã thông qua Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi).

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 14 Hiến pháp quy định quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật; Điều 48 Hiến pháp quy định người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam; khoản 1 Điều 62 Hiến pháp quy định phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do vậy, việc đổi mới công tác quản lý dân cư, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả, giá trị sử dụng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ căn cước công dân vào công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu cấp thiết, cần được ưu tiên đầu tư, phát triển.

2. Cơ sở thực tiễn

Bộ Công an đã tiến hành cấp được hơn 80 triệu thẻ căn cước công dân cho người đủ điều kiện cấp thẻ. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với 15 bộ, ngành và 63 địa phương; việc kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ nhiều hoạt động như: Kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia,

Văn phòng Chính phủ để xác thực số định danh cá nhân, căn cước công dân, xác thực thông tin chủ hộ, tra cứu thông tin công dân; kết nối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam để xác thực thông tin công dân; kết nối với Bộ Tư pháp để thực hiện cấp, hủy số định danh cá nhân cho trẻ em khai sinh; kết nối với Bộ Y tế để phục vụ rà soát thông tin tiêm chủng của công dân, phòng chống dịch Covid - 19; kết nối, xác thực với Tập đoàn điện lực Việt Nam phục vụ nghiệp vụ ngành điện; kết nối, xác thực với Ban cơ yếu Chính phủ phục vụ rà soát thông tin cán bộ cơ yếu; kết nối với Tổng cục thuế, Bộ Tài chính để xác thực thông tin công dân, xác thực thông tin chủ hộ, tra cứu thông tin công dân phục vụ làm sạch dữ liệu ngành thuế, nghiệp vụ ngành thuế; thử nghiệm thành công dịch vụ xác thực thông tin công dân tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân thông qua trực tích hợp quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Bên cạnh các kết quả tích cực, trong quá trình triển khai thi hành Luật Căn cước công dân năm 2014 đã xuất hiện một số tồn tại và các vấn đề phát sinh cần phải được xem xét để sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

Một là, hiện nay, công dân có nhiều loại giấy tờ tùy thân khác nhau như thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy khai sinh, giấy phép lái xe... Việc có quá nhiều loại giấy tờ khác nhau được cơ quan có thẩm quyền cấp cho công dân gây ra khó khăn nhất định cho công dân trong lưu trữ, sử dụng, nhất là trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, sử dụng các tiện ích, dịch vụ công; không phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động xã hội đang ngày càng phát triển ở nước ta. Trong khi đó, Luật Căn cước công dân không có các quy định về việc khai thác, sử dụng thông tin trên thẻ căn cước công dân (bao gồm thông tin về căn cước công dân và các thông tin trên giấy tờ khác của công dân được tích hợp vào thẻ căn cước công dân qua chip điện tử và mã QR code) nên việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ tiện ích của thẻ căn cước công dân vào giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính

còn gặp nhiều khó khăn, thiếu đồng bộ, thống nhất; nhiều cơ quan, tổ chức chưa tham gia triển khai vì đây không phải là nội dung được quy định trong luật.

Hai là, theo quy định tại Điều 9, Điều 15 Luật Căn cước công dân (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 37 Luật Cư trú năm 2020) thì thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân chỉ bao gồm một số nhóm thông tin; tuy nhiên, qua triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 (Đề án số 06), việc mở rộng, tích hợp thêm nhiều thông tin khác của công dân trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân là rất cần thiết; trực tiếp phục vụ cho việc ứng dụng tiện ích của thẻ căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử, kết nối, chia sẻ, chứng thực dữ liệu công dân, phân tích, thiết lập bản đồ số dân cư. Do vậy, việc giới hạn các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định của Luật Căn cước công dân nêu trên sẽ gây khó khăn trong thực hiện Đề án số 06, thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

Ba là, Luật Căn cước công dân không quy định về cấp số định danh cá nhân cho trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống ở Việt Nam (sau đây gọi là người gốc Việt Nam). Do nhiều yếu tố liên quan đến lịch sử, chiến tranh nên thực tế hiện nay còn rất nhiều trường hợp nêu trên cần phải có chính sách, quy định pháp luật để giải quyết, quản lý chặt chẽ những người này; bảo đảm cơ chế để họ có thể tham gia vào các giao dịch dân sự, dịch vụ công, nhất là các dịch vụ thiết yếu bảo đảm cuộc sống. Luật Căn cước công dân chưa có quy định về việc hủy, xác lập lại số định danh cá nhân đối với trường hợp công dân có quyết định thôi quốc tịch, công dân được nhập trở lại quốc tịch Việt Nam... Luật Căn cước công dân chưa có quy định về cấp lại thẻ căn cước công dân theo hồ sơ đề nghị cấp thẻ gần nhất trên hệ thống cấp Căn cước công dân nên có trường hợp công dân vừa được cấp thẻ căn cước công

dân nhưng bị thất lạc, hư hỏng... đều phải trực tiếp đến cơ quan Công an để thực hiện cấp lại thẻ căn cước công dân khác.

Bốn là, Luật Căn cước công dân là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, quy định việc chuyển đổi từ cấp, sử dụng chứng minh nhân dân sang cấp, sử dụng bằng thẻ căn cước công dân; tuy nhiên, nhiều cơ quan, tổ chức đã yêu cầu công dân bắt buộc phải thực hiện các thủ tục để cập nhật, điều chỉnh lại thông tin trên giấy tờ, tài liệu đã cấp trước đây cho công dân (có thông tin về chứng minh nhân dân) bằng thông tin về thẻ căn cước công dân (như trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng...) gây khó khăn, phiền hà cho công dân. Do vậy, cần bổ sung vào Luật Căn cước công dân quy định chuyển tiếp để bảo đảm việc sử dụng, thay thế từ chứng minh nhân dân sang thẻ căn cước công dân được thuận lợi hơn; hạn chế phát sinh các thủ tục khác đối với công dân.

Hiện nay, các quy định của Luật Căn cước công dân về việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân còn chưa được đầy đủ, bao quát. Luật Căn cước công dân mới chỉ tập trung vào việc quản lý công dân qua Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua thẻ căn cước công dân mà chưa có quy định về tài khoản định danh điện tử đối với tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử. Quy định pháp luật về các vấn đề trên chủ yếu được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật, văn bản dưới luật (*nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân, Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử...*); trong khi đó, đây là vấn đề lớn, tác động rộng rãi đến nhiều chủ thể khác nhau bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, doanh nghiệp được giao thực hiện một số dịch vụ công và tổ chức, cá nhân khác nên cần được luật hóa để bảo đảm đúng tinh thần của Hiến pháp là các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân cần

phải ban hành dưới hình thức luật (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp), bảo đảm, bảo vệ được quyền, lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân.

Đề án số 06 cũng đã xác định các nhiệm vụ chính liên quan đến ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phát huy giá trị, tiện ích thẻ căn cước công dân gồm:

(1) Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số chứng minh nhân dân (9 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

(2) Bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ căn cước công dân, ứng dụng định danh điện tử quốc gia (VNeID), trong đó, tập trung thực hiện ngay đối với một số giấy tờ như: Bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, mã số chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề, tiêm chủng, giáo dục, thẻ cán bộ, công chức, viên chức...

(3) Nghiên cứu, triển khai thí điểm việc ứng dụng các tính năng, tiện ích có sẵn của chip điện tử trên thẻ căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(4) Triển khai rộng rãi việc ứng dụng các tính năng, tiện ích của chip điện tử trên thẻ căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...) và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(5) Triển khai ứng dụng các tính năng của chip điện tử gắn trên thẻ căn cước công dân và ứng dụng VNeID trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội nhất là các lĩnh vực chuyển đổi số mạnh nhất như: Ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...), tài chính, viễn thông, điện, nước.

(6) Đánh giá rà soát các văn bản pháp luật để triển khai thực hiện tích hợp thông tin các giấy tờ cá nhân vào thẻ căn cước công dân gắn chip.

Bên cạnh đó, Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu chất lượng thông suốt giữa các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật để hỗ trợ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đã xác định nhiệm vụ nâng cao việc ứng dụng cơ sở dữ liệu, phát huy giá trị của thẻ căn cước công dân vào các hoạt động quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và khu vực, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Do đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Căn cước công dân năm 2014 và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra hiện nay, cần thiết phải sửa đổi Luật Căn cước công dân năm 2014 để tạo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện, tạo bước đột phá về chuyển đổi số ở nước ta.

Trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi), Chính phủ đã thống nhất thông qua 04 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật; trong đó, bao gồm cả chính sách về việc cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam nhưng chưa xác định được quốc tịch và căn cước công dân điện tử (tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam). Vì vậy, để cụ thể hoá các chính sách nêu trên trong dự thảo Luật được đầy đủ, chặt chẽ, bảo đảm tính bao quát và phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật, Chính phủ đã chỉnh lý tên gọi của dự án Luật từ “**Luật Căn cước công dân (sửa đổi)**” thành “**Luật Căn cước**”.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

Việc xây dựng dự án Luật Căn cước nhằm mục đích sau:

Một là, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu (như lĩnh vực cư trú, hộ tịch, bảo hiểm xã hội, giáo dục, y tế, đất đai, lao động...) để phục vụ người dân,

doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng xác thực, chia sẻ bằng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Hai là, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Nghiên cứu, triển khai việc ứng dụng các tính năng của chip điện tử trên thẻ căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, ngân hàng và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác. Tích hợp, phát triển các ứng dụng trên nền tảng hệ thống định danh điện tử với các ứng dụng cốt lõi như: Ví điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, chứng khoán, điện, nước... lên ứng dụng VNeID, mã QR của thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử. Phát triển, hoàn thiện và triển khai hiệu quả ứng dụng di động công dân số từ VNeID trên cơ sở mở rộng tích hợp các thông tin, dịch vụ như y tế, bảo hiểm, giấy phép lái xe, ngân hàng, thanh toán điện tử, ứng cứu khẩn cấp, phản ánh hiện trường, tố giác tội phạm...

Ba là, phục vụ công dân số.

Hiện nay, người dân có rất nhiều loại giấy tờ khác nhau, như căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe, các loại bằng cấp, chứng chỉ... Nhằm tạo điều kiện cho công dân, cần phải xác thực 100% các thông tin thiết yếu, quan trọng trên ứng dụng VNeID hoặc qua thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử như: Thông tin tiêm chủng, xét nghiệm, giấy phép lái xe, đăng ký xe... từng bước thay thế các giấy tờ của người dân trong một số các giao dịch theo quy định pháp luật. Cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại phục vụ tiện ích số của công dân trên ứng dụng VNeID như: Dịch vụ cư trú, căn cước công dân, thương mại điện tử, thanh toán điện tử và các dịch vụ khác.

Bốn là, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư.

Triển khai hiệu quả việc kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã có như: Cơ sở dữ liệu giáo dục, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu thuế..., bảo đảm giải quyết các thủ tục phục vụ người dân chính xác và thuận lợi.

Năm là, phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

Trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các thông tin đã được tích hợp, sử dụng ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tổng hợp, phân tích, dự báo các thông tin để phục vụ việc điều hành Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạch định chính sách kinh tế, xã hội.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

Quan điểm xây dựng dự án Luật Căn cước:

Một là, quán triệt và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về căn cước; phù hợp với tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế; phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Hai là, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ người dân hiện nay và những năm tiếp theo; phục vụ chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số.

Ba là, việc xây dựng dự án Luật được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người dân trong đi lại, giao dịch, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, yêu cầu quản lý dân cư, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật.

Bốn là, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn cho công tác quản lý căn cước; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật quy định về các giấy tờ tùy thân của người dân.

Năm là, tham khảo có chọn lọc pháp luật về quản lý Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý và sử dụng giấy tờ về căn cước cho người dân của một số nước, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA LUẬT

Luật Căn cước năm 2023 có **07 chương, 46 điều** và có một số nội dung mới, sửa đổi, bổ sung so với Luật Căn cước công dân năm 2014 như sau:

- *Chương I (Những quy định chung) gồm 07 điều (từ Điều 1 đến Điều 7), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc quản lý căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước; quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; trách nhiệm của cơ quan quản lý căn cước; các hành vi bị nghiêm cấm.*

(1) Luật Căn cước năm 2023 quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, căn cước điện tử; giấy chứng nhận căn cước; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Theo đó, đối tượng áp dụng được mở rộng hơn so với Luật Căn cước công dân năm 2014, ngoài áp dụng đối với công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Luật này còn áp dụng đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

Đối với vấn đề này, trong quá trình xây dựng Luật Căn cước, Bộ Công an đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thấy rằng Luật Quốc tịch, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có quy định về người nước ngoài và công dân Việt Nam; trong đó, tập trung quy định về việc công nhận, xác định quốc tịch, quản lý cư trú (cấp thẻ thường trú, tạm trú...). Tuy nhiên, các luật này đều không điều chỉnh, quy định về quản lý căn cước đối với người gốc Việt Nam. Trong khi đó, thực tiễn cho thấy tại nước ta có một bộ phận không nhỏ người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam do nhiều nguyên nhân khác nhau liên quan đến lịch sử, chiến tranh, di cư... mà họ và các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương đều không có thông tin hoặc bất cứ giấy tờ nào chứng minh về nhân thân, lai lịch (những người này đều không đủ điều kiện được cấp thẻ thường trú, tạm trú theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; không thể thực hiện đăng ký khám chữa bệnh, ký hợp đồng lao động, nhập học hoặc tham gia giao dịch dân sự mà cần chứng minh thông tin nhân thân...) nên để giải quyết tình trạng này, việc bổ sung quy định quản lý

căn cước đối với người gốc Việt Nam tại Luật Căn cước là cần thiết và phù hợp; nội dung này không trái với quy định của Luật Quốc tịch và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

(2) Luật cũng bổ sung quy định về giải thích từ ngữ để làm rõ một số thuật ngữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về căn cước gồm: Sinh trắc học; Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam; Thẻ căn cước; Giấy chứng nhận căn cước; Danh tính điện tử của công dân Việt Nam; Định danh điện tử đối với công dân Việt Nam; Xác thực điện tử đối với danh tính điện tử của công dân Việt Nam; Căn cước điện tử; Ứng dụng định danh quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia.

(3) Các nội dung liên quan đến nguyên tắc quản lý căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước; quyền và nghĩa vụ của người dân về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước; trách nhiệm của cơ quan quản lý căn cước; hành vi bị nghiêm cấm cơ bản được giữ như quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014 và bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của người gốc Việt Nam, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền của người dân liên quan đến căn cước điện tử... cho đầy đủ, chặt chẽ.

Chương II (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước)
gồm 10 điều (từ Điều 8 đến Điều 17), quy định về: Yêu cầu xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thu thập, cập nhật, điều chỉnh, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số định danh cá nhân của công dân Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc cung cấp, thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin, tài liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; yêu cầu xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu căn cước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước; thu thập, cập nhật, điều chỉnh, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

liên quan trong việc chia sẻ, cung cấp, cập nhật, điều chỉnh thông tin, tài liệu vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

(1) Luật Căn cước năm 2023 quy định mở rộng, tích hợp nhiều thông tin khác của công dân và người gốc Việt Nam từ các cơ sở dữ liệu khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước so với Luật Căn cước công dân năm 2014 để trực tiếp phục vụ cho việc ứng dụng tiện ích của thẻ căn cước, căn cước điện tử, kết nối, chia sẻ thông tin người dân.

Hiện nay việc kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các bộ, ngành, địa phương đang được triển khai thực hiện quyết liệt đem lại những kết quả thiết thực, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã tiết kiệm được chi phí trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu riêng hoặc không cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu riêng khi đã được kết nối, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Do vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung là xu thế chung của các nước trên thế giới hiện nay. Luật Căn cước năm 2023 đã quy định việc bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, lưu trữ thông tin trong Cơ sở dữ liệu cơ sở quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước sẽ tiết kiệm hơn rất nhiều so với việc đầu tư các hệ thống riêng biệt để lưu trữ các thông tin này. Các thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cũng sẽ được chia sẻ phục vụ để việc khai thác chung cho các bộ, ngành, địa phương; cơ quan quản lý dữ liệu không phải thiết lập thêm các kênh kết nối, chia sẻ riêng đối với các thông tin đã được bổ sung, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

Luật Căn cước năm 2023 quy định bổ sung một số nhóm thông tin sinh trắc học vào Cơ sở dữ liệu căn cước. Điều này là tương đồng với quy định pháp luật của nhiều nước trên thế giới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn ở nước ta. Việc thu thập thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói chỉ áp dụng đối với một số người có tiền án, tiền sự phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; những thông tin này do các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý người bị

áp dụng biện pháp xử lý hành chính thu thập trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật và được chuyển cho cơ quan quản lý căn cước để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước. Việc thu thập, cập nhật các thông tin sinh trắc học vào Cơ sở dữ liệu căn cước được quy định trong Luật Căn cước năm 2023 sẽ bảo đảm quyền con người, quyền bảo đảm bí mật cá nhân quy định trong Hiến pháp, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam.

(2) Đối với các quy định: Số định danh cá nhân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, cung cấp và cập nhật thông tin, tài liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; yêu cầu xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu căn cước cơ bản được giữ nguyên như Luật Căn cước công dân năm 2014.

- Chương III (Thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước) gồm 13 điều (từ Điều 18 đến Điều 30), quy định về: Nội dung thể hiện trên thẻ căn cước; người được cấp thẻ căn cước; giá trị sử dụng của thẻ căn cước; độ tuổi cấp đổi thẻ căn cước; tích hợp thông tin vào thẻ căn cước và sử dụng, khai thác thông tin được tích hợp; trình tự, thủ tục cấp thẻ căn cước; các trường hợp cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước; trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước; thời hạn cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước; thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước; thu hồi, giữ thẻ căn cước; giấy chứng nhận căn cước và quản lý về căn cước đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được cấp giấy chứng nhận căn cước.

(1) Luật Căn cước năm 2023 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng lược bỏ vắn tay và sửa đổi quy định về thông tin số thẻ căn cước, dòng chữ “căn cước công dân, quê quán, nơi thường trú, chữ ký của người cấp thẻ” thành “số định danh cá nhân, căn cước, nơi đăng ký khai sinh, nơi cư trú trên thẻ căn cước...”. Việc thay đổi, cải tiến như trên để tạo thuận lợi hơn cho người dân trong quá trình sử dụng thẻ căn cước, hạn chế việc phải cấp đổi thẻ căn cước và bảo đảm tính riêng tư của người dân; các thông tin căn cước của người dân cơ bản sẽ được lưu trữ, khai thác, sử dụng thông qua chip điện tử trên thẻ căn cước. Đối với những thẻ căn cước công dân đã cấp thì vẫn còn nguyên giá trị sử dụng, không bị tác động bởi quy định này.

(2) Luật Căn cước năm 2023 cũng bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của họ; phát huy giá trị, tiện ích của thẻ căn cước trong hoạt động của Chính phủ số, xã hội số. Việc cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi sẽ thực hiện theo nhu cầu, còn đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên là bắt buộc. Quy định này là hoàn toàn bảo đảm tính khả thi khi hiện nay đã có sự thay đổi về công nghệ thu nhận sinh trắc học của con người như đối với vân tay thì sử dụng bộ thu nhận vân tay điện tử thay thế cho sử dụng mực lăn tay, chỉ bản nên có thể thực hiện thu nhận được vân tay của người từ đủ 05 tuổi trở lên vẫn bảo đảm yêu cầu về đối sánh dữ liệu sinh trắc học và yêu cầu quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, việc cấp thẻ Căn cước cho công dân dưới 14 tuổi cũng phù hợp với quy định pháp luật về xuất nhập cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với pháp luật của nhiều nước trên thế giới quy định về việc cấp thẻ Căn cước cho cả công dân dưới 14 tuổi như: Algeria, Argentina, Bỉ, Bhutan, Brunei, Chile, Colombia, Síp, Equatorial Guinea, Đức, Guatemala, Kuwait, Malaysia, Monaco, Bồ Đào Nha, Rwanda, Syria, Thái Lan... góp phần giảm thiểu được giấy tờ, thủ tục hành chính, phát huy được giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư; giảm chi phí trong thực hiện công tác chuyển đổi số; bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng cho công dân tham gia được các giao dịch dân sự, nhất là các giao dịch thiết yếu phục vụ cuộc sống.

(3) Đồng thời, bổ sung quy định cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch, đây là nội dung mới so với quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014 nhằm bảo đảm quyền, lợi ích của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam; đồng thời, phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước về dân cư.

Thực tế, người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam là vấn đề đã tồn tại lâu nay ở nước ta, do nhiều nguyên nhân khác nhau liên quan đến lịch sử,

chiến tranh, di cư... thế nhưng lâu nay chưa có bất kỳ 01 văn bản luật nào giải quyết cơ bản, đầy đủ về vấn đề này. Họ là một bộ phận không nhỏ, không tách rời của dân tộc ta và phải được nhà nước, xã hội thừa nhận. Họ có quyền tham gia giao dịch trong xã hội; tuy nhiên, do họ không có giấy tờ gì, chưa xác định được quốc tịch Việt Nam, không hộ chiếu, không căn cước nên thực tiễn rất khó khăn trong quản lý, hạn chế rất nhiều trong việc sử dụng dịch vụ khám, chữa bệnh, tìm kiếm việc làm, học tập, hưởng trợ cấp, trợ giúp xã hội; phần nhiều trong số họ là những người yếu thế (là người di cư, cư trú không ổn định, là người dân tộc thiểu số, là trẻ em, người nghèo, người sinh sống trên địa bàn biên giới, vùng sâu, vùng xa...); đến nay, trải qua nhiều thế hệ (bao gồm cả con, cháu được sinh ra) đều không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Bên cạnh đó, nhiều cơ quan quản lý nhà nước không có bất cứ thông tin, dữ liệu gì về người gốc Việt Nam; việc này gây ra rất nhiều khó khăn trong quản lý đối với họ, nhất là trong vấn đề bảo đảm an ninh, trật tự khi họ vi phạm pháp luật; đồng thời đây cũng là cơ hội cho một số tổ chức, cá nhân cố tình lợi dụng vấn đề về nhân quyền để gây rối, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Do vậy, Luật Căn cước năm 2023 đã quy định về quản lý đối với những người gốc Việt Nam; theo đó, sẽ thực hiện việc quản lý, cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam. Quy định này thể hiện trách nhiệm của nhà nước ta và cũng là cơ sở để người gốc Việt Nam có điều kiện để thực hiện trách nhiệm với xã hội, với địa phương nơi đang sinh sống lâu nay; khi họ được xác định có quốc tịch Việt Nam hoặc được công nhận quốc tịch Việt Nam thì sẽ được cấp thẻ căn cước như mọi công dân khác; đồng thời, phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước về dân cư.

(4) Cùng với đó, Luật Căn cước năm 2023 còn bổ sung quy định về việc tích hợp một số thông tin có tính ổn định, được sử dụng thường xuyên của người dân ngoài thông tin về căn cước vào thẻ căn cước như: Thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác thuộc lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Việc sử dụng các thông

tin tích hợp từ thẻ căn cước có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng các giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại khác; qua đó, giúp giảm giấy tờ cho người dân, tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính.

(5) Đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước; trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, Luật Căn cước năm 2023 cơ bản kế thừa các quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014 và quy định bổ sung việc cấp lại thẻ căn cước được thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công, ứng dụng định danh quốc gia (người dân không phải đến cơ quan quản lý căn cước để thực hiện thủ tục); cơ quan quản lý căn cước sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước cho người dân. Đồng thời, Luật cũng quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý căn cước phải cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước (đây là quy định chung, áp dụng trên toàn quốc, không phân biệt theo địa bàn cư trú của người dân như Luật Căn cước công dân năm 2014).

- Chương IV (Cấp, quản lý căn cước điện tử) gồm 04 điều (từ Điều 31 đến Điều 34), quy định về: Căn cước điện tử; kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử; giá trị sử dụng của căn cước điện tử; khóa, mở khóa căn cước điện tử.

Trong xã hội số, việc định danh, xác thực con người cụ thể trên không gian mạng là yêu cầu cấp thiết; nhiều nước trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển đã và đang đầu tư nhiều nguồn lực để tạo dựng nên hệ thống định danh của quốc gia; đây cũng là yêu cầu quan trọng trong thực hiện chuyển đổi số ở nước ta. Do vậy, việc Luật Căn cước năm 2023 bổ sung quy định về cấp, quản lý căn cước điện tử. Đây là nội dung mới so với quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014 và phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi khách quan. Luật Căn cước năm 2023 quy định mỗi công dân Việt Nam được cấp 01 căn cước điện tử; căn cước điện tử có giá trị tương đương như thẻ căn cước sử dụng để thực hiện thủ tục hành

chính, dịch vụ công và thực hiện các giao dịch, hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.

- Chương V (Bảo đảm điều kiện cho hoạt động quản lý căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, Hệ thống định danh và xác thực điện tử) gồm 05 điều (từ Điều 35 đến Điều 39), quy định về: Bảo đảm cơ sở hạ tầng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử; người làm công tác quản lý căn cước; bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử; phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và lệ phí cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; Bảo vệ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước.

Luật Căn cước năm 2023 bổ sung quy định khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tài trợ, hỗ trợ để xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước; khuyến khích sử dụng phần mềm, thiết bị, giải pháp tích hợp là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, doanh nghiệp, công dân Việt Nam tự nghiên cứu, thiết kế, chế tạo trong việc xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử. Các nội dung như bảo đảm cơ sở hạ tầng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước; phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và lệ phí cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước; bảo vệ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước cơ bản được giữ nguyên như Luật Căn cước công dân năm 2014.

- Chương VI (Quản lý nhà nước về căn cước, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử) gồm 04 điều (từ Điều 40 đến Điều 43), quy định về: Trách nhiệm quản lý nhà nước về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử; trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Luật Căn cước năm 2023 đã quy định rõ hơn trách nhiệm của Bộ Công an, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử để tăng cường công tác quản lý nhà nước, bảo đảm hiệu quả trong triển khai thi hành pháp luật.

- Chương VII (Điều khoản thi hành) gồm 03 điều (từ Điều 44 đến Điều 46), quy định về: Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15 và Luật số 20/2023/QH15; hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

Luật Căn cước năm 2023 thay thế Luật Căn cước công dân năm 2014 và thay thế cụm từ “kinh doanh dịch vụ định danh và xác thực điện tử” bằng cụm từ “kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử” tại điểm 131 Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15 và Luật số 20/2023/QH15.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện cho công dân, Luật đã quy định chuyển tiếp theo hướng: **(1)** Thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 46. Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ căn cước, **(2)** Chứng minh nhân dân còn hạn sử dụng đến sau ngày 31/12/2024 thì có giá trị sử dụng đến hết ngày 31/12/2024. Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân được giữ nguyên giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp, **(3)** Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng từ ngày 15/01/2024 đến trước ngày 30/6/2024 thì tiếp tục có giá trị sử dụng đến hết ngày 30/6/2024, **(4)** Quy định về việc sử dụng căn cước công dân, chứng minh nhân dân trong các văn bản quy phạm pháp luật ban

hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được áp dụng như đối với thể căn cứ quy định tại Luật này cho đến khi văn bản quy phạm pháp luật đó được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.